

## THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

**Tổ chức đấu giá tài sản:** Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà. Địa chỉ: Số 355 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

**Tổ chức có quyền đưa tài sản ra đấu giá:** Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch. Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở chính quyền huyện Quảng Trạch, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

### 1. Tài sản đấu giá là:

Quyền sử dụng 79 thửa đất ở tại khu ở mới Đồng Trạm, thôn Phú Lộc 4, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Diện tích từ 154,0 m<sup>2</sup>/thửa đến 413,0 m<sup>2</sup>/thửa. Giá khởi điểm từ 254.100.000 đồng/thửa đến 667.821.000 đồng/thửa.

*(Giá khởi điểm nêu trên chưa bao gồm lệ phí trước bạ và các chi phí khác)*

Tiền đặt trước:

- Đối với thửa đất có giá khởi điểm từ trên 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng là: 40.000.000 đồng/thửa.

- Đối với thửa đất có giá khởi điểm từ trên 500.000.000 đồng là: 100.000.000 đồng/thửa.

### 2. Đối tượng, điều kiện và cách thức đăng ký tham gia đấu giá

- Đối tượng, điều kiện đăng ký tham gia đấu giá: Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, có nhu cầu sử dụng đất để làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp hành tốt pháp luật đất đai, Quyết định phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất và Quy chế cuộc đấu giá.

- Cách thức đăng ký: Nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá trực tiếp cho Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà thu tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú.

### 3. Thời gian, địa điểm thực hiện thủ tục đấu giá tài sản nêu trên

- Bán hồ sơ và tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày 25/05/2020 đến 16 giờ 30 phút ngày 16/06/2020 nộp cho Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà thu tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú;

- Xem tài sản: Từ ngày 01/06/2020 đến ngày 02/06/2020 tại sơ đồ niêm yết tại Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch và Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú hoặc xem trực tiếp tại thực địa (nếu có nhu cầu liên hệ trước ngày 02/06/2020);

- Nộp tiền đặt trước: Từ ngày 12/06/2020 đến 16 giờ 30 phút 16/06/2020 vào tài khoản của Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà (Số tài khoản: 53210000838208; mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình);

*(Các thủ tục trên được thực hiện trong giờ hành chính các ngày làm việc)*

- Tổ chức buổi công bố giá: Vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 19/06/2020 tại UBND xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

*Điện thoại liên hệ: Công ty Đấu giá hợp danh Trường Hà: 0232.3896333;  
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Quảng Trạch: 0232.3516333;*

*Đăng thông báo Lần 1 vào ngày 25/05/2020 và Lần 2 vào ngày 28/05/2020 trên Báo Quảng Bình.*

**Nơi nhận:**

- Công TTĐT quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang TTĐT STP Quảng Bình;
- Trang TTĐT huyện Quảng Trạch;
- Trang TTĐT Công ty ĐGHĐ Trường Hà;
- TT PTQĐ huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Quảng Phú;
- Người tham gia đấu giá;
- Báo Quảng Bình;
- Đài PTTH huyện Quảng Trạch;
- Lưu: HS, VP./.



## PHỤ LỤC

**Đấu giá QSD 79 thửa đất tại khu ở mới Đồng Trạm, thôn Phú Lộc 4,  
xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình**  
(Kèm theo Quy chế cuộc đấu giá ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-ĐGTH  
ngày 25/05/2020)

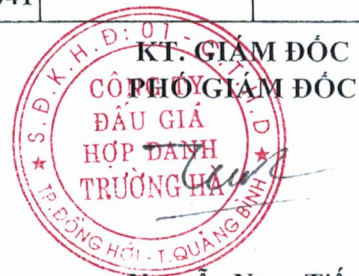
TT	Lô	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ (đồng)
1	4	1377	35	177,2	292.380.000	40.000.000	200.000
2	7	1380	35	189,5	312.675.000	40.000.000	200.000
3	8	1381	35	172,1	283.965.000	40.000.000	200.000
4	9	1382	35	175,3	289.245.000	40.000.000	200.000
5	13	1388	35	172,5	284.625.000	40.000.000	200.000
6	14	1389	35	172,5	284.625.000	40.000.000	200.000
7	15	1390	35	172,5	284.625.000	40.000.000	200.000
8	16	1391	35	172,5	284.625.000	40.000.000	200.000
9	17	1392	35	172,5	284.625.000	40.000.000	200.000
10	18	1393	35	211,6	380.213.460	40.000.000	200.000
11	19	1394	35	230,4	413.994.240	40.000.000	200.000
12	20	1395	35	177,2	292.380.000	40.000.000	200.000
13	21	1396	35	177,2	292.380.000	40.000.000	200.000
14	22	1397	35	177,2	292.380.000	40.000.000	200.000
15	23	1399	35	307,9	448.086.870	40.000.000	200.000
16	24	1402	35	409,1	595.363.230	100.000.000	500.000
17	25	1404	35	394,0	637.098.000	100.000.000	500.000

18	26	1405	35	413,0	667.821.000	100.000.000	500.000
19	27	1413	35	232,1	379.135.350	40.000.000	200.000
20	28	1414	35	210,2	343.361.700	40.000.000	200.000
21	29	1426	35	190,5	345.757.500	40.000.000	200.000
22	32	1417	35	193,2	318.780.000	40.000.000	200.000
23	33	1410	35	214,1	384.705.585	40.000.000	200.000
24	34	1411	35	185,6	306.240.000	40.000.000	200.000
25	35	1412	35	184,3	304.095.000	40.000.000	200.000
26	36	1421	35	183,0	301.950.000	40.000.000	200.000
27	37	1422	35	181,7	299.805.000	40.000.000	200.000
28	38	1423	35	180,3	297.495.000	40.000.000	200.000
29	39	1424	35	179,2	295.680.000	40.000.000	200.000
30	40	1418	35	231,0	447.775.020	40.000.000	200.000
31	41	1419	35	185,5	330.190.000	40.000.000	200.000
32	42	1420	35	184,0	327.520.000	40.000.000	200.000
33	44	1429	35	181,6	323.248.000	40.000.000	200.000
34	45	1430	35	180,3	320.934.000	40.000.000	200.000
35	46	1432	35	179,1	318.798.000	40.000.000	200.000
36	49	1435	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
37	50	1434	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
38	51	1444	35	217,4	421.412.508	40.000.000	200.000
39	98	1440	35	192,5	317.625.000	40.000.000	200.000

40	99	1441	35	199,2	328.680.000	40.000.000	200.000
41	100	1442	35	205,8	336.174.300	40.000.000	200.000
42	101	1443	35	212,7	347.445.450	40.000.000	200.000
43	102	1457	35	219,4	358.389.900	40.000.000	200.000
44	103	1458	35	171,4	282.810.000	40.000.000	200.000
45	104	1459	35	175,8	290.070.000	40.000.000	200.000
46	106	1461	35	184,5	304.425.000	40.000.000	200.000
47	107	1439	35	192,7	317.955.000	40.000.000	200.000
48	108	1452	35	199,8	329.670.000	40.000.000	200.000
49	60	1450	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
50	61	1451	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
51	62	1470	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
52	63	1471	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
53	65	1473	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
54	66	1474	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000
55	78	1468	35	181,5	323.070.000	40.000.000	200.000
56	128	1512	35	154,0	254.100.000	40.000.000	200.000
57	129	1513	35	154,0	254.100.000	40.000.000	200.000
58	130	1514	35	154,0	254.100.000	40.000.000	200.000
59	131	1516	35	154,0	254.100.000	40.000.000	200.000
60	132	1517	35	154,0	254.100.000	40.000.000	200.000
61	64	1472	35	176,0	290.400.000	40.000.000	200.000

*Handwritten signature*

62	79	1469	35	182,8	325.384.000	40.000.000	200.000
63	82	1486	35	187,0	332.860.000	40.000.000	200.000
64	83	1487	35	188,5	335.530.000	40.000.000	200.000
65	85	1498	35	191,2	340.336.000	40.000.000	200.000
66	93	1507	35	270,0	485.149.500	40.000.000	200.000
67	122	1482	35	213,5	348.752.250	40.000.000	200.000
68	123	1497	35	267,9	437.614.650	40.000.000	200.000
69	146	208	39	189,0	311.850.000	40.000.000	200.000
70	147	209	39	189,0	311.850.000	40.000.000	200.000
71	148	210	39	189,0	311.850.000	40.000.000	200.000
72	149	211	39	189,0	311.850.000	40.000.000	200.000
73	150	212	39	189,0	311.850.000	40.000.000	200.000
74	151	213	39	189,0	311.850.000	40.000.000	200.000
75	158	240	39	227,4	400.724.280	40.000.000	200.000
76	159	241	39	234,5	413.235.900	40.000.000	200.000
77	163	231	39	164,8	271.920.000	40.000.000	200.000
78	164	244	39	164,8	271.920.000	40.000.000	200.000
79	167	245	39	219,4	425.289.348	40.000.000	200.000
<b>Tổng 79 thửa đất:</b>				<b>15.702,4</b>	<b>26.368.220.041</b>		



Nguyễn Ngọc Tiên